

# Kinh tế và Dự báo



Economy &  
Forecast  
Review

06/2017  
Số 18

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866-7120

**Đánh giá tiềm năng du lịch tỉnh Phú Yên**

# Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

## MỤC LỤC

### CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

#### Tổng Biên tập

PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

#### Phó Tổng Biên tập

LÊ MINH HẢI

ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

#### Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIẾT SINH

PGS, TS. LÊ XUÂN BÁ

PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG

TS. TRẦN DU LỊCH

PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ

PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT

PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ

TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

#### Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 04.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

#### Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

#### Chi nhánh phía Nam

289 Điện Biên Phủ,

Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: 0903823407 / 0975666868

#### Quảng cáo và phát hành

Tel: 080.48310 / 0945669911

#### Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

<b>Bùi Thị Hoàng Mai:</b> Các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam theo cách tiếp cận phân tích dịch chuyển tỷ trọng.....	3
<b>Lê Hữu Ảnh, Nguyễn Quốc Chính, Bùi Thị Nga, Đỗ Kim Yến, Đồng Đạo Dũng:</b> Quản lý liên kết dọc theo chuỗi nông sản xuất khẩu: Nghiên cứu ngành hàng cá tra tỉnh An Giang .....	7
<b>Dương Thị Hải Phương:</b> Mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến triển khai thành công hệ thống ERP tại các doanh nghiệp .....	11
<b>Cao Thanh Bình:</b> Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức đến sự trao đổi tri thức: Nhìn từ ngành ngân hàng ở TP. Hồ Chí Minh .....	15
<b>Nguyễn Thị Thanh Vân:</b> Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng mối quan hệ trong kinh doanh: Trường hợp các doanh nghiệp logistics ở TP. Hồ Chí Minh.....	19
<b>Nguyễn Ánh Tuyết:</b> Tác động của xuất khẩu đến năng suất nhân tố tổng hợp của các doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam .....	23
<b>Nguyễn Thu Hà, Mai Thị Huyền Trang:</b> Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên .....	27
<b>Huỳnh Thị Thúy Giang:</b> Đánh giá lợi thế so sánh ngành dệt may Việt Nam trong khu vực Asean thông qua chỉ số lợi thế so sánh hiển thị .....	30
<b>Trịnh Thị Thúy Hồng, Đàm Đình Mạnh:</b> Mối quan hệ giữa đầu tư công và tăng trưởng kinh tế ở tỉnh Bình Định .....	35
<b>Phước Minh Hiệp, Trần Đình Vinh:</b> Đánh giá rủi ro trong kê khai nộp thuế tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương.....	39
<b>Nguyễn Thị My My, Trịnh Lê Tân, Đoàn Thị Thúy Hải:</b> Các nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên khối ngành kinh tế PSU Trường Đại học Duy Tân.....	43
<b>Nguyễn Hữu Đặng:</b> Ảnh hưởng của các yếu tố thuộc nguồn nhân lực đến hiệu quả kỹ thuật hộ trồng lúa ở Tịnh Biên.....	47
<b>Vũ Thị Trinh:</b> Các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp giảng dạy môn nghiệp vụ lễ tân tại Trường Đại học Khánh Hòa .....	51
<b>Ngô Cao Hoài Linh, Võ Hữu Khánh, Phạm Văn Thắng:</b> Sự hài lòng về chất lượng dịch vụ thẻ ATM của một số ngân hàng thương mại tại TP. Hồ Chí Minh .....	55
<b>Võ Đình Quyết:</b> Hành vi phàn nàn của khách hàng đối với dịch vụ internet của VNPT Khánh Hòa.....	59
<b>Hoàng Thị Hảo:</b> Nghiên cứu tác động của chính sách giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh.....	63
<b>Phạm Mỹ Duyên:</b> Vai trò của đa dạng sinh kế đối với nâng cao thu nhập của hộ gia đình vùng Đồng bằng sông Cửu Long .....	67
<b>Nguyễn Văn Trãi:</b> Các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách du lịch quốc tế khi đến TP. Hồ Chí Minh .....	71
<b>Lê Thị Thế Bửu:</b> Đánh giá năng lực cạnh tranh của ngành chế biến gỗ xuất khẩu tỉnh Bình Định .....	74
<b>Huỳnh Phước Nghĩa, Phạm Quốc Quân:</b> Mối quan hệ giữa khuyến mại và giá chào bán trong thị trường nhà ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh .....	78
<b>Võ Thị Tâm, Hà Thị Kim Duyên:</b> Đánh giá tiềm năng du lịch tỉnh Phú Yên.....	81
<b>Nguyễn Văn Đợi:</b> Triển khai thương mại mạng 4G tại Việt Nam: Nhiều thách thức doanh nghiệp phải vượt qua! .....	84
<b>Nguyễn Thị Minh Huyền, Nguyễn Thị Hạnh Nguyên:</b> Doanh nghiệp sữa Việt Nam học hỏi được gì từ chiến lược thị trường của công ty sữa Abbott? .....	87
<b>Phan Thị Diệu Linh:</b> Để phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa.....	90
<b>Thái Thị Kim Oanh, Nguyễn Quang Điền:</b> Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã trên địa bàn huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh .....	93
<b>Nguyễn Thị Búp, Nguyễn Thanh Trúc, Phạm Thị Thu Hiền:</b> Đánh giá mức sẵn lòng tham gia bảo hiểm con tôm của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh .....	97

Giá 19.500 đồng

# Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

## IN THIS ISSUE

PRESS OFFICE OF  
MINISTRY OF PLANNING AND INVESTMENT

### Editor-in-Chief

Assoc.Prof.Dr. LE XUAN DINH

### Deputy Editor-in-Chief

LE MINH HAI

DO THI PHUONG LAN

### Editorial Board

Dr. CAO VIET SINH

Assoc. Prof. Dr. LE XUAN BA

Assoc. Prof. Dr. BUI TAT THANG

Dr. TRAN DU LICH

Assoc. Prof. Dr. LE QUOC LY

Assoc. Prof. Dr. TRAN DINH THIEN

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN HONG SON

Prof. Dr. TRAN THO DAT

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN DINH THO

Dr. VUONG QUAN HOANG

### Editorial Board Office

65 Van Mieu Street

Dongda district - Ha Noi

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 04.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

### Electronic magazine

http://kinhtevadubao.vn

### Branch Office

289 Dien Bien Phu Street

3 district - Ho Chi Minh City

Tel: 0903823407 / 0975666868

### Advertisement & Issue

Tel: 080.44474 / 0945669911

### Publishing license: 115/GP-BTTTT

Printed at Cong Doan Vietnam printing JSC

Price 19.500 VND

<b>Bui Thi Hoang Mai:</b> Factors contributing to Vietnam's economic growth with an approach of Shift - Share Analysis .....	3
<b>Le Huu Anh, Nguyen Quoc Chinh, Bui Thi Nga, Do Kim Yen, Dong Dao Dung:</b> Vertical linkage management along the exported agricultural products: Research on An Giang's pangasius.....	7
<b>Duong Thi Hai Phuong:</b> Relationships among factors influencing successful implementation of ERP systems in enterprises.....	11
<b>Cao Thanh Binh:</b> Influence of organizational culture on the exchange of knowledge: Seen from banking sector in Ho Chi Minh City .....	15
<b>Nguyen Thi Thanh Van:</b> Factors affecting the quality of business relationships: The case of logistics enterprises in Ho Chi Minh City.....	19
<b>Nguyen Anh Tuyet:</b> Impact of export on the total factor productivity of Vietnamese garment enterprises .....	23
<b>Nguyen Thi Ha, Mai Thi Huyen Trang:</b> Influence of FDI on Thai Nguyen province's economic development.....	27
<b>Huynh Thi Thuy Giang:</b> Assessing comparative advantage of Vietnam's textile industry in ASEAN region through revealed comparative advantage index .....	30
<b>Trinh Thi Thuy Hong, Dam Dinh Manh:</b> Relationship between public investment and economic growth in Binh Dinh.....	35
<b>Phuoc Minh Hiep, Tran Dinh Vinh:</b> Assessing the risk in tax declaration at Binh Duong Tax Department .....	39
<b>Nguyen Thi My My, Trinh Le Tan, Doan Thi Thuy Hai:</b> Determinants of learning motivation of PSU economics students at Duy Tan University.....	43
<b>Nguyen Huu Dang:</b> Influence of human resource factors on rice production technical efficiency in Tinh Bien .....	47
<b>Vu Thi Trinh:</b> Determinants of the teaching methodology of receptionist profession at Khanh Hoa University .....	51
<b>Ngo Cao Hoai Linh, Vo Huu Khanh, Pham Van Thang:</b> Satisfaction with the ATM service quality of some commercial banks in Ho Chi Minh City .....	55
<b>Vo Dinh Quyet:</b> Customers' complaint behaviour on internet service of VNPT Khanh Hoa .....	59
<b>Hoang Thi Hao:</b> Research on the impact of policy on poverty reduction in Quang Ninh province .....	63
<b>Pham My Duyen:</b> The role of livelihood diversification in improving household income in the Mekong Delta.....	67
<b>Nguyen Van Trai:</b> Determinants of international tourists' satisfaction with Ho Chi Minh City .....	71
<b>Le Thi The Buu:</b> Assessing the competitiveness of wood processing industry for export in Binh Dinh province.....	74
<b>Huynh Phuoc Nghia, Pham Quoc Quan:</b> The relationship between sales promotion and ask price in housing market of Ha Noi and Ho Chi Minh City .....	78
<b>Vo Thi Tam, Ha Thi Kim Duyen:</b> Assessing Phu Yen province's tourism potentials.....	81
<b>Nguyen Van Doi:</b> Launching 4G network in Vietnam: Challenges ahead.....	84
<b>Nguyen Thi Minh Huyen, Nguyen Thi Hanh Nguyen:</b> What can dairy companies learn from Abbott's market strategy?.....	87
<b>Phan Thi Dieu Linh:</b> To boost Thanh Hoa province's agriculture.....	90
<b>Thai Thi Kim Oanh, Nguyen Quang Dien:</b> Improving management capacity of commune-level People's Committee leaders in Vu Quang district, Ha Tinh province ..	93
<b>Nguyen Thi Bup, Nguyen Thanh Truc, Pham Thi Thu Hien:</b> Evaluating the willingness of farmers to participate in shrimp insurance in Tra Vinh province.....	97

# Nghiên cứu tác động của chính sách giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh

HOÀNG THỊ HẢO\*

## Tóm tắt:

*Bài viết đánh giá tác động của các chính sách đến chất lượng công tác giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh. Kết quả chỉ ra 6 yếu tố, gồm: chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách giáo dục, chính sách y tế, chính sách đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, chính sách dạy nghề và tạo việc làm, chính sách khuyến nông, khuyến lâm đều có tương quan cùng chiều với chất lượng công tác giảm nghèo.*

**Từ khóa:** chính sách giảm nghèo, khuyến nông lâm, dạy nghề và tạo việc làm, tỉnh Quảng Ninh

## Summary

*The paper evaluates the impact of policies on the quality of poverty reduction in Quang Ninh province. The output reveals six factors having same correlation with the quality of poverty reduction, including preferential credit policy, education policy, health policy, infrastructure investment policy, vocational training and job creation policy, and agro-forestry extension.*

**Keywords:** policy on poverty reduction, agricultural extension, vocational training and job creation, Quang Ninh province

## GIỚI THIỆU

Thời gian qua, công tác giảm nghèo ở Quảng Ninh được coi là nhiệm vụ quan trọng trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện theo các chương trình, đề án, chính sách giảm nghèo của Trung ương, Tỉnh còn xây dựng và ban hành nhiều chương trình, chính sách, văn bản chỉ đạo triển khai riêng nhằm hỗ trợ giảm nghèo bền vững cho những địa phương còn nhiều khó khăn, có tỷ lệ nghèo cao, như: huyện Ba Chẽ, Bình Liêu. Tuy nhiên, do hệ thống chính sách, chương trình giảm nghèo ở Quảng Ninh vẫn còn một số hạn chế, như: chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo chồng chéo về đối tượng, nội dung và cách tiếp cận gây tản mạn và lãng phí; nguồn lực thực hiện còn phân tán và hạn hẹp, chi phí quản lý còn lớn, nên phải đánh giá một cách nghiêm túc các chính sách đã và đang được thực hiện để tìm ra những điểm bất cập. Vì vậy, việc nghiên cứu nhằm đánh giá tác động

của các chính sách giảm nghèo đến chất lượng công tác giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh là điều rất cần thiết.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đánh giá chương trình giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh, nghiên cứu tiến hành khảo sát 700 phiếu. Số phiếu phát ra là 700 phiếu, số phiếu thu về 700 phiếu. Trong đó có 500 phiếu khảo sát hộ nghèo và 200 phiếu khảo sát cán bộ làm công tác giảm nghèo tại 15 xã, thuộc 5 huyện của tỉnh Quảng Ninh từ tháng 06/2015 đến tháng 12/2015.

Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ sau: (1) hoàn toàn không đồng ý, (2) không đồng ý, (3) bình thường, (4) đồng ý, (5) hoàn toàn đồng ý, để phản ánh ý kiến đánh giá của người hưởng lợi chính sách (CS) và người thực thi CS đối với công tác giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh. Các thang đo và chỉ tiêu đánh giá được nêu tại Bảng 1.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### *Kiểm định độ tin cậy của thang đo*

Các thang đo đều được đánh giá thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha được thể hiện qua (Bảng 2).

\* ThS., Trường Đại học Lâm nghiệp | Email: hoangthihao1978@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/05/2017; Ngày phản biện: 20/06/2017; Ngày duyệt đăng: 26/06/2017

**BẢNG 1: THANG ĐO MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH TỚI CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở TỈNH QUẢNG NINH**

Nhóm cán bộ	Biến quan sát	Nhóm hộ nghèo	Biến quan sát
Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo (CSTD)	CSTD1 - CSTD5	Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo (CSTD)	CSTD1 - CSTD6
Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo (CSGD)	CSGD1 - CSGD4	Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo (CSGD)	CSGD1 - CSGD4
Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo (CSYT)	CSYT1 - CSYT4	Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo (CSYT)	CSYT1 - CSYT3
Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng (CSHT)	CSHT1 - CSHT4	Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng (CSHT)	CSHT1 - CSHT3
Chính sách khuyến nông lâm (CSKNL)	CSKNL1 - CSKNL4	Chính sách khuyến nông lâm (CSKNL)	CSKNL1 - CSKNL4
Chính sách dạy nghề và tạo việc làm (CSVL)	CSVL1 - CSVL4	Chính sách dạy nghề và tạo việc làm (CSVL)	CSVL1 - CSVL4
Đánh giá chung về chất lượng công tác xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh (SAT)	SAT1 - SAT4	Đánh giá chung về chất lượng công tác xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh (SAT)	SAT1 - SAT4

Nguồn: Tác giả tự xây dựng

**BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO**

Thang đo	Nhóm đối tượng cán bộ		Nhóm đối tượng hộ nghèo	
	Cronbach's Alpha	Biến bị loại bỏ	Cronbach's Alpha	Biến bị loại bỏ
CSTD	0,924	Không	0,905	Không
CSGD	0,863	Không	0,879	Không
CSYT	0,848	Không	0,828	Không
CSKNL	0,859	Không	0,778	Không
CSHT	0,925	Không	0,845	Không
CSVL	0,915	Không	0,778	Không
SAT	0,754	Không	0,732	Không

Nguồn: Kết quả chiết xuất trên phần mềm SPSS 22.0

Từ kết quả phân tích tổng thể Cronbach's Alpha, trị số Cronbach's Alpha tổng thể của các thang đo CSTD, CSGD, CSYT, CSHT, CSKNL, CSVL và SAT đều >0,7. Hệ số tương quan biến - tổng của các biến quan sát trong thang đo đều đạt mức cao trên 0,5. Do đó không cần phải loại bỏ đi biến quan sát để làm tăng độ tin cậy của thang đo.

#### Phân tích EFA

Kết quả kiểm định tính thích hợp của EFA bằng phương pháp kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) được nêu ở Bảng 3 cho thấy, hệ số KMO đạt mức khá cao là 0,772 ở nhóm đối tượng cán bộ và 0,820 ở nhóm đối tượng hộ nghèo thỏa mãn điều kiện  $0,5 < KMO < 1$ . Do vậy, phân tích các nhân tố khám phá là thích hợp cho bảng dữ liệu tổng thể.

Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với nhân tố được thể hiện qua Bảng 4 đối với

nhóm cán bộ và nhóm hộ nghèo chỉ tiêu giá trị tổng phương sai trích đạt 75,746% và 67,629% cho thấy, các nhân tố được đưa ra từ phân tích có thể giải thích được 75,746% và 67,629% sự biến thiên của dữ liệu khảo sát ban đầu. Như vậy, phân tích nhân tố khám phá EFA là phù hợp với dữ liệu tổng thể.

Kết quả của mô hình EFA được thể hiện trên Bảng 5 cho thấy, các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) >0,7. Như vậy, mỗi nhóm khảo sát đều có 6 nhân tố đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác giảm nghèo.

#### Phân tích hồi quy bội

Sử dụng phần mềm SPSS 16.0 - Regression Analysis thu được kết quả thể hiện qua Bảng 6. Kết quả phân tích các kiểm định theo bảng số liệu trên, có thể thấy rằng, giá trị R bình phương hiệu chỉnh đạt mức khá cao là 0,757 đối với mô hình nhóm cán bộ và 0,633 đối với mô hình nhóm hộ nghèo. Điều này cho thấy, các nhân tố đưa ra từ mô hình có thể giải thích được 75,7% và 63,3% sự biến thiên của biến phụ thuộc là hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo. Đây là một tỷ lệ cao, cho thấy sự phù hợp của mô hình lý thuyết với số liệu thu được từ khảo sát thực tế.

Phương trình hồi quy ở mô hình nhóm cán bộ được xây dựng như sau:

$$SAT1 = 0,401 * F1 + 0,265 * F2 + 0,190 * F3 + 0,252 * F4 + 0,229 * F5 + 0,417 * F6 + 0,249$$

Phương trình hồi quy ở mô hình nhóm hộ nghèo được xây dựng như sau:

$$SAT2 = 0,32 * S1 + 0,203 * S2 + 0,361 * S3 + 0,264 * S4 + 0,307 * S5 + 0,235 * S6 + 0,32$$

Cả 6 biến ở 2 mô hình đều đảm bảo có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 95% (Significance <0,05).

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Như vậy, bằng việc thực hiện các kiểm định thông qua phân tích hồi quy, có thể thấy, các nhân tố tác động đến chất lượng công tác giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh, như sau: đối với cả đối tượng cán bộ quản lý nhà nước và người dân, yếu tố y tế, tín dụng và kết cấu hạ tầng đều thể hiện vai trò ảnh hưởng lớn tới chất lượng công tác giảm nghèo. Cụ thể như ở nhóm cán bộ biến F6 đóng góp 24,45% và ở nhóm hộ nghèo biến S3 đóng góp 19,82%, tiếp đến ở yếu tố chính sách

tín dụng nhóm cán bộ biến F1 đóng góp 20,15%, nhóm hộ nghèo biến S1 đóng góp 19,24%; Nhưng đối với người dân, yếu tố giáo dục thể hiện sự ảnh hưởng thấp, biến S2 đóng góp 12,26%. Trong khi đó, yếu tố này lại được đánh giá cao ở nhóm đối tượng khảo sát là cán bộ là biến F4 đóng góp 18,05%. Từ kết quả phân tích ở trên, tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

**Thứ nhất, về chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo**

Cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho người nghèo. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa các nguồn lực và lồng ghép các nguồn lực có cùng mục tiêu tại một địa phương. Phân bổ và sử dụng nguồn lực, có thể Chính phủ vẫn tiếp tục hỗ trợ, nhưng để thực hiện các hoạt động mà bản thân thị trường không làm tốt hoặc không làm được. Còn về lâu dài cần hỗ trợ về kỹ thuật hay kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh.

**Thứ hai, về chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng ở xã nghèo**

- Tăng cường sự tham gia của người dân, người dân phải được tham gia ở tất cả các khâu, đảm bảo sự tham gia của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ nghèo.

- Huy động và phân bổ có hiệu quả nguồn lực thực hiện chính sách, ngoài nguồn lực ngân sách nhà nước cấp cần huy động thêm nguồn lực từ người dân. Trong đó, chỉ tiến hành phân bổ đóng góp cho các thôn khi có sự đồng thuận ý kiến của đại diện dân, hoặc các hộ trong các thôn.

- Thực hiện có hiệu quả mục tiêu xã có công trình, người dân có việc làm tăng thu nhập. Chính quyền cần phối kết hợp hài hòa và tạo điều kiện hỗ trợ giữa cộng đồng người nghèo và người dân tộc thiểu số nghèo với các công ty nhận thầu về các điều khoản và điều kiện việc làm.

**Thứ ba, về chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo**

- Nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục cho người nghèo, cấp thẻ đi học cho trẻ em nghèo. Để đảm bảo người nghèo được tiếp cận với giáo dục có chất lượng, cần có sự phối kết hợp rất lớn với các chính sách khác. Đặc biệt, các chính sách tác động đến cung giáo dục, khuyến khích phát triển giáo dục dân lập, mở rộng cơ hội cho gia đình giàu lựa chọn loại hình giáo dục này. Khi đó, tiền trợ cấp giáo dục sẽ được tự động phân phối cho người

**BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT'S TEST**

KMO and Bartlett's Test		Nhóm Cán bộ		Nhóm Hộ nghèo	
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,772	0,768	0,820	0,744
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	3,383E3	192,666	5,436E3	390,505
	df	300	6	300	6
	Sig.	0,000	0,000	0,000	0,000

**BẢNG 4: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ HỘI TỤ CỦA CÁC NHÂN TỐ**

Thang đo	Nhóm đối tượng cán bộ		Nhóm đối tượng hộ nghèo	
	Thang đo độc lập	Thang đo phụ thuộc	Thang đo độc lập	Thang đo phụ thuộc
Tổng phương sai trích	75,746	58,967	67,629	55,406
Eigenvalues	1,702 (6)	2,359(1)	1,798 (6)	2,216(1)

**BẢNG 5: KẾT QUẢ MA TRẬN NHÂN TỐ XOAY**

Biến	Nhóm đối tượng cán bộ						Nhóm đối tượng hộ nghèo						
	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	
CSTD1	0,889						CSTD1	0,823					
CSTD5	0,889						CSTD2	0,805					
CSTD4	0,874						CSTD3	0,833					
CSTD2	0,872						CSTD4	0,779					
CSTD3	0,846						CSTD5	0,882					
CSHT4		0,894					CSTD6	0,808					
CSHT2		0,887					CSGD1		0,862				
CSHT1		0,880					CSGD2		0,870				
CSHT3		0,872					CSGD3		0,852				
CSVL3			0,884				CSGD4		0,837				
CSVL4			0,878				CSYT1			0,771			
CSVL1			0,871				CSYT2			0,806			
CSVL2			0,842				CSYT3			0,840			
CSGD1				0,846			CSYT4			0,812			
CSGD4				0,833			CSKN1				0,778		
CSGD3				0,807			CSKN2				0,753		
CSGD2				0,798			CSKN3				0,764		
CSKN1					0,898		CSKN4				0,768		
CSKN3					0,862		CSHT1						0,879
CSKN2					0,791		CSHT2						0,870
CSKN4					0,767		CSHT3						0,861
CSYT1						0,879	CSVL1					0,772	
CSYT3						0,791	CSVL2					0,756	
CSYT4						0,779	CSVL3					0,804	
CSYT2						0,768	CSVL4					0,742	

Nguồn: Kết quả chiết xuất trên phần mềm SPSS 22.0

nghèo, đào tạo và đào tạo lại để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng sư phạm tốt.

- Cần chính sách ưu tiên đối với người công tác trong ngành giáo dục tại vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt, nên ưu tiên đào tạo đội ngũ giáo viên là dân tộc thiểu số tại địa phương sẽ đảm bảo họ cống hiến lâu dài, đổi mới phương pháp và thiết kế chương trình giảng dạy theo hướng phù hợp và đem lại lợi ích thiết thực cho người học, đặc biệt là trẻ em nghèo.

**BẢNG 6: KẾT QUẢ MÔ HÌNH HỒI QUY BỘỊ**

Mô hình hồi quy (Nhóm cán bộ)						
Model	R	R Square	Change Statistics			Durbin-Watson
			R Square Change	F Change	Sig. F Change	
1	0,870 <sup>a</sup>	0,757	0,757	100,012	0	1,911
ANOVA <sup>b</sup>						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	30,739	6	5,123	100,012	0,000 <sup>a</sup>
	Residual	9,886	193	0,051		
	Total	40,625	199			
Hệ số hồi quy						
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	0,249	0,135		1,852	0,066
	F1	0,192	0,017	0,401	11,049	0,000
	F4	0,172	0,026	0,252	6,524	0,000
	F6	0,233	0,022	0,417	10,736	0,000
	F5	0,130	0,021	0,229	6,215	0,000
	F2	0,126	0,018	0,265	6,967	0,000
	F3	0,100	0,020	0,190	4,913	0,000
Mô hình hồi quy (Nhóm hộ nghèo)						
Model	R	R Square	Change Statistics			Durbin-Watson
			R Square Change	F Change	Sig. F Change	
1	0,795 <sup>a</sup>	0,633	0,633	141,48	0	1,827
ANOVA <sup>b</sup>						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	53,16	6	8,86	141,48	0,000 <sup>a</sup>
	Residual	30,874	493	0,063		
	Total	84,034	499			
Hệ số hồi quy						
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	0,32	0,113		2,831	0,005
	S1	0,168	0,014	0,32	11,61	0,000
	S2	0,107	0,014	0,203	7,406	0,000
	S3	0,173	0,013	0,361	13,04	0,000
	S4	0,136	0,014	0,264	9,351	0,000
	S5	0,157	0,014	0,307	11,162	0,000
	S6	0,132	0,016	0,235	8,385	0,000

Nguồn: Kết quả chiết xuất từ SPSS 22.0

**Thứ tư, về chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo**

Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cho người nghèo. Đảm bảo người nghèo được tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng, cần đầu tư thỏa đáng cho phát triển mạng lưới y tế cấp cơ sở, cần thiết phải đầu tư trang thiết bị cùng với đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh.

**Thứ năm, về chính sách khuyến nông, lâm hỗ trợ phát triển sản xuất, ngành nghề**

- Cần chọn đúng đối tượng là những hộ dân có nhu cầu áp dụng các kỹ thuật mới vào sản xuất, có đủ trình độ, năng lực, kiến thức thực tiễn.... Lựa chọn địa điểm quy mô thực hiện phù hợp với từng địa phương, đảm bảo khả năng nhân rộng mô hình.

- Tăng cường tư vấn, cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá cho nông dân, từng bước tháo gỡ “ nút thắt ” trong sản xuất nông nghiệp với quy mô hàng hoá tránh tình trạng “ được mùa, thì mất giá ”, người nông dân không còn hào hứng để làm theo. Tái cơ cấu ngành tập trung triển khai các chương trình, đề án sản xuất theo chuỗi liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm.

**Thứ sáu, về chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm**

- Nhà nước tiếp tục đầu tư cho các cơ sở đào tạo nghề về cơ sở vật chất và các trang thiết bị dạy nghề để phát triển một số ngành nghề mới nhằm đa dạng hóa cơ cấu ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn phù hợp với xu thế phát triển bền vững của khu vực nông thôn.

- Để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực sự hiệu quả, tạo sự đồng thuận cao của người dân cần cải tiến công tác tuyển sinh học nghề, công tác tuyển sinh nên triển khai sau khi giao vốn thay vì trước khi giao vốn nhằm tránh lãng phí, giảm bớt khó khăn, phiền hà cho cơ sở và cho chính người học. □

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2008). *Thông tư liên tịch số 25/2008, ngày 21/10/2008 về việc hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình cận nghèo*, Hà Nội
2. UBND tỉnh Quảng Ninh (2014). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng năm 2014 và mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015*, Quảng Ninh
3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh (2009). *Tài liệu chính sách giảm nghèo tỉnh Quảng Ninh*
4. Nguyễn Thị Nhung (2012). *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân